

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 273/QĐ-KHLN-ĐT ngày 20 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

Điều 3. Trưởng các ban: Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Tổ chức Hành chính, Tài chính kế toán, các đơn vị thuộc Viện, cán bộ, giảng viên và các nghiên cứu sinh của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KH, ĐT&HTQT.

GIÁM ĐỐC



QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-KHLN-ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện).
- Quy chế này áp dụng đối với giảng viên, nghiên cứu sinh, các đơn vị và các cán bộ tham gia vào quá trình đào tạo trình độ Tiến sĩ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện xây dựng, thẩm định và ban hành, đáp ứng yêu cầu của khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, được quy định chi tiết tại quy chế này. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng); mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).
- Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng) hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án nộp cho Viện trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện tại cơ sở đào tạo.
- Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Viện theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn (khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ) phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc

quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Viện và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hàng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất đề nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo (cấp Viện);

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Viện.

Chương II: TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, có chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ dự kiến;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại

ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai quy định tại Phụ lục II của Quy chế này.

4. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu)

b) Lý lịch khoa học (theo mẫu).

c) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

d) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện đa khoa;

đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

e) Bản khai các bài báo, công trình khoa học, nếu có (theo quy định tại mục c, khoản 1, Điều 7 của Quy chế này) đã công bố cùng bản sao các công trình đó.

f) Văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ (theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Quy chế này).

g) Đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu).

h) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu

sinh.

i) 02 ảnh cỡ 3x4 và 02 phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, email.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Việc tuyển sinh được tổ chức nhiều lần trong năm khi đáp ứng đủ điều kiện đảm bảo chất lượng để triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

2. Việc tuyển sinh được tổ chức theo hình thức xét tuyển, bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Viện tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tùy tình hình thực tế do Giám đốc Viện quyết định.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện tại địa chỉ <http://www.vafs.gov.vn> trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 30 ngày làm việc, trong đó nêu rõ: (i) Điều kiện dự tuyển; (ii) Danh mục ngành xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; (iii) Chỉ tiêu tuyển sinh; (iv) Hồ sơ dự tuyển (được quy định chi tiết tại điểm 4 điều 7), thời gian nhận hồ sơ và lệ phí dự tuyển; (v) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; và các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

4. Hội đồng tuyển sinh

a) Giám đốc Viện quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc Viện uỷ quyền.

- Ủy viên thường trực: Lãnh đạo Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác Quốc tế của Viện.

- Các ủy viên: Trưởng hoặc phó các đơn vị chuyên môn trực thuộc Viện và các chuyên gia của các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển. Các ủy viên phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ.

Những người có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;

- Quyết định và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động liên quan đến tuyển sinh theo quy định, đảm bảo quá trình tuyển sinh được công khai, minh bạch, chọn được thí sinh có khả năng hoàn thành tốt chương trình học tiến sĩ của cơ sở đào tạo; Tư vấn cho Lãnh đạo Viện thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban thư ký (nếu cần thiết) và các Ban chuyên môn. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới khoa chuyên môn;
- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban thư ký.

6. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng đơn vị chuyên môn đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong đơn vị hoặc ngoài đơn vị do Trưởng đơn vị chuyên môn mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển.

Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có: Trưởng tiểu ban, Thư ký và các thành viên tiểu ban.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới nhiệm vụ của Tiểu ban;
- Lập kế hoạch đánh giá đề cương chi tiết, phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với toàn bộ hồ sơ của thí sinh;
- Chủ trì phiên họp của Tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;
- Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

7. Quy trình xét tuyển

a) Hội đồng tuyển sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển và dự định nghiên cứu của nghiên cứu sinh, chuyển hồ sơ trích ngang và đề cương dự tuyển đến tiểu ban chuyên môn.

b) Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển:

- Thí sinh trình bày sơ lược về bản thân, quá trình đào tạo, kinh nghiệm hoạt

động chuyên môn, thành tích nghiên cứu khoa học, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo,...

- Thí sinh trình bày các vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn, cụ thể về các nội dung:

- Tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu;
- Sự cần thiết, tính cấp thiết của đề tài;
- Mục tiêu, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu (các tài liệu trong và ngoài nước về vấn đề dự định nghiên cứu, đề tài nghiên cứu hiện tại đang ở trạng thái nào, các tác giả, nhà nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực đã làm được gì? những vấn đề gì còn tồn tại cần nghiên cứu tiếp? dự kiến hướng giải quyết như thế nào?.....)
- Dự kiến nội dung, phương pháp nghiên cứu;
- Dự kiến kết quả đạt được;
- Tiến độ, kế hoạch học tập và nghiên cứu.

- Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.

- Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng đánh giá thí sinh. Thư ký tiểu ban tổng hợp các ý kiến đánh giá và kết quả cho điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

c) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc Viện quyết định cho từng ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Giám đốc Viện phê duyệt.

8. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được duyệt, Giám đốc Viện ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh (thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh) kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh,

b) Thủ tục đăng ký nhập học của nghiên cứu sinh được quy định như sau:

- Muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế gửi giấy báo nhập học và quyết định đến nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải đăng ký nhập học, đóng học phí, đăng ký bộ môn và phòng thí nghiệm nghiên cứu (nghiên cứu sinh vào trang Web <http://www.vafs.gov.vn> của Viện để lấy các biểu mẫu đăng ký nhập học).

9. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, phải thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này ở trụ sở chính của Viện và các địa phương nơi có hiện trường nghiên cứu trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến.

2. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đơn vị chuyên môn sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Giám đốc Viện phê duyệt. Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của các đơn vị chuyên môn và thông báo cho đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh thực hiện.

a) Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Viện hoặc cơ sở đào tạo khác do Viện gửi đến học. Các học phần ở trình độ tiến sĩ do Viện tổ chức thực hiện.

b) Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ phải đăng ký học và thi các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Thời hạn hoàn thành các học phần trong chương trình cao học là 1,5 năm (18 tháng) kể từ ngày có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh.

c) Kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh với các trình độ khác nhau được quy định như sau:

Năm	Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ	Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ
1	Học chương trình cao học Học các học phần bổ sung (nếu có)	Học các học phần bổ sung (nếu có) Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Hoàn thành tiểu luận tổng quan
2	Học xong chương trình cao học Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Hoàn thành tiểu luận tổng quan	Hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ Hoàn thành ít nhất 1 bài báo khoa học
3	Hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ Hoàn thành ít nhất 1 bài báo khoa học	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án Bảo vệ luận án các cấp
4	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án Bảo vệ luận án các cấp	

(Trong bảng là kế hoạch của thời gian đào tạo tiêu chuẩn 3 năm với NCS có bằng ThS và 4 năm với NCS chưa có bằng ThS; Kế hoạch cụ thể của từng NCS có thể linh động

theo trình độ và thời gian đăng ký theo học nhưng không được vượt quá thời gian quy định của BGD)

3. Tổ chức học tập các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở ngành gần với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc có bằng thạc sĩ đúng ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, cần học bổ sung các học phần theo yêu cầu của ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu. Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng ký học cùng với các lớp, khóa cao học cùng ngành hoặc làm đơn đăng ký học tại Viện. Đối với những học phần còn lại, nghiên cứu sinh làm đơn đăng ký học theo kế hoạch riêng và nộp Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế để tổ chức giảng dạy.

b) Tổ chức học tập các học phần ở trình độ tiến sĩ chủ yếu thực hiện theo hình thức tự học: cán bộ giảng dạy giới thiệu đề cương, nội dung chủ yếu của giáo trình, các tài liệu tham khảo, nghiên cứu sinh nghiên cứu lý thuyết, làm thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận; cán bộ phụ trách đào tạo tổ chức kiểm tra, thi đánh giá hoặc viết thu hoạch học phần.

c) Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

d) Tiểu luận tổng quan do nghiên cứu sinh thực hiện dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Giám đốc Viện ra quyết định thành lập Hội đồng chấm tiểu luận tổng quan. Hội đồng chấm tiểu luận tổng quan gồm ít nhất 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư. Việc đánh giá và chấm tiểu luận tổng quan thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trình bày. Hình thức đánh giá đối với tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10.

đ) Tổ chức thực hiện chuyên đề tiến sĩ:

- Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của cán bộ hướng dẫn chuyên đề.

- Để thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, Nghiên cứu sinh nộp cho Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế hồ sơ đề nghị thành lập hội đồng bao gồm: đơn xin bảo vệ chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh, công văn đề nghị thành phần hội đồng của trưởng đơn vị chuyên môn, thuyết minh báo cáo chuyên đề. Toàn bộ hồ sơ phải được Người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn thông qua.

- Tổ chức hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ: muộn nhất sau 30 ngày kể từ ngày Giám đốc ký quyết định thành lập hội đồng phải tổ chức hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Ít nhất 7 ngày trước khi tổ chức hội đồng phải gửi giấy mời tham gia hội đồng, quyết định thành lập hội đồng, thuyết minh báo cáo chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh tới các thành viên hội đồng, gửi giấy mời cho các cán bộ khoa học tham dự.

- Trong đánh giá chuyên đề, điểm chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng điểm của

các thành viên hội đồng có mặt tham gia buổi đánh giá. Kết quả đánh giá chuyên đề phải được lập thành biên bản, hồ sơ đánh giá chuyên đề tiến sĩ được nộp cho Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội đồng.

- Mỗi chuyên đề và tiểu luận tổng quan có thể thành lập hội đồng đánh giá riêng gồm tối thiểu là 03 thành viên hoặc tổ chức Hội đồng gồm 5 thành viên đánh giá chung cho cả 2 chuyên đề Tiến sĩ và tiểu luận Tổng quan, người hướng dẫn NCS được tham dự hội đồng với tư cách là uỷ viên.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Thay đổi tên, nội dung đề tài, luận án và người hướng dẫn

a) Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn đề xuất với cơ sở đào tạo về việc thay đổi tên, nội dung đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

Việc thay đổi đề tài luận án hoặc bổ sung, thay đổi người hướng dẫn chỉ thực hiện khi có những lý do chính đáng và thật cần thiết. Trong những trường hợp này, thủ tục thực hiện như sau:

- Nghiên cứu sinh nộp đơn trình bày lý do thay đổi đề tài hoặc người hướng dẫn, kế hoạch học tập nghiên cứu cụ thể tiếp theo, có ý kiến đồng ý của Tập thể hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

- Ban Khoa học, Đào tạo và hợp tác quốc tế tiếp nhận đơn trình Giám đốc xem xét ra quyết định. Sau khi nhận quyết định, nghiên cứu sinh cần đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu tiếp theo với Ban Khoa học, Đào tạo và hợp tác quốc tế, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn theo hướng thay đổi.

2. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Viện.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này) thì Giám đốc quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

3. Khi nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án nhưng không sớm trước 12 tháng so với thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh tính đến ngày bảo vệ luận án.

Trong một số trường hợp đặc biệt, Giám đốc Viện xem xét quyết định việc bảo

vệ sớm trước 2/3 thời gian đào tạo căn cứ vào kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, đề nghị của tập thể hướng dẫn, đề nghị của Trường đơn vị chuyên môn và ý kiến đánh giá.

4. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;
- b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;
- c) Vi phạm quy định của Viện ở mức độ buộc thôi học.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

- a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;
- b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;
- c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo (Viện).

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

4. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liên chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu

có).

5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của cơ sở đào tạo.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

a). Tham gia phối hợp với Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiến sĩ của ngành đào tạo do Viện phụ trách.

b). Tư vấn, đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của Nghiên cứu sinh.

c). Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

d). Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; Seminar có thể được tổ chức 01 hoặc nhiều lần để nâng cao chất lượng luận án.

e). Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo yêu cầu và quy chế của Viện.

2. Trách nhiệm của Bộ phận Đào tạo Tiến sĩ - Ban Khoa học, Đào tạo và hợp tác quốc tế

a) Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn, bản đăng ký,... có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Xây dựng và ban hành quy định chi tiết của Viện về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định.

b) Dự thảo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, ngành đào tạo, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi tên đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh trình Giám đốc Viện quyết định.

c) Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đào tạo trình độ tiến sĩ; Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hằng năm cho từng ngành đào tạo; Tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo kế hoạch;

d) Theo dõi lớp học các học phần tiến sĩ, kết quả kiểm tra, thi các học phần, đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh từng ngành đào tạo;

e) Làm thủ tục và tổ chức bảo vệ các cấp cho nghiên cứu sinh;

g) Làm thủ tục và quản lý việc cấp chứng chỉ các học phần, bằng điểm toàn khóa, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

- h) Tổ chức các ngày lễ khai giảng, lễ phát bằng,... cho nghiên cứu sinh;
- i) Quản lý và lưu trữ hồ sơ đào tạo tiến sĩ; phối hợp với Bộ phận Thông tin - Tư liệu quản lý và khai thác luận án tiến sĩ đã bảo vệ của các nghiên cứu sinh;
- k) Thực hiện những công tác khác có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ theo yêu cầu của Giám đốc Viện.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn (Cấp Bộ môn)

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi NCS đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

- a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;
- b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở đơn vị chuyên môn; Luận án đã được 2 chuyên gia độc lập (do Viện đề xuất) đọc nhận xét và đồng ý cho NCS bảo vệ luận án cấp bộ môn và bản giải trình ý kiến tiếp thu, sửa chữa luận án của NCS.

Yêu cầu đối với Luận án tiến sĩ:

- Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

- Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.
- Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang khổ giấy A4, không kể phụ lục. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE, có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án. Cấu trúc của luận án gồm:

- Phần mở đầu: Lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học, thực tiễn của đề tài; Những đóng góp mới của luận án; cấu trúc luận án.
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
- Nội dung nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
- Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định;

- Phụ lục (nếu có).

- Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn, cụ thể:

- * Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

- * Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

- * Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn.

- * Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài luận án. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 2 phản biện và các ủy viên Hội đồng, trong đó số thành viên hội đồng có học vị tiến sĩ tối đa là 5 người. Hội đồng cấp Bộ môn và đơn vị chuyên môn đề xuất danh sách 15 thành viên dự kiến tham gia hội đồng gửi về Viện để xem xét ra Quyết định thành lập hội đồng cấp Viện.

Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu

nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

3. Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn có thể được tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi nhận thấy luận án chưa đạt chất lượng yêu cầu. Trong trường hợp phải họp từ hai phiên trở lên, Hội đồng cần xác định rõ thời gian lần họp tiếp theo. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh, trong đó phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá tại cơ sở đào tạo (cấp Viện).

Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm gửi bản nhận xét (theo mẫu của cơ sở đào tạo) về đơn vị chuyên môn trước phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án. Nhận xét của các thành viên hội đồng phải chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và những điểm yêu cầu nghiên cứu sinh phải sửa chữa, bổ sung.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án trong các trường hợp sau đây: (i) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng; Thư ký Hội đồng; Người phản biện có ý kiến không tán thành luận án; hoặc vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên; (ii) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn đề xuất danh sách các nhà khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng vấn đề nghiên cứu của luận án phục vụ quy trình phản biện độc lập và đánh giá luận án cấp trường. Danh sách tối thiểu 15 người.

Các tài liệu nộp về Ban: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của Hội đồng, Biên bản kiểm phiếu và phiếu đánh giá luận án có chữ ký của các thành viên Hội đồng; Bản giới thiệu danh sách các nhà khoa học cho Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện và phục vụ quy trình Phản biện kín; Nhận xét của từng Thành viên hội đồng; Danh sách ký tên tham dự của thành viên Hội đồng;

5. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra thực hiện quy trình phản biện độc lập khi có tối thiểu 75% số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 15. Phản biện độc lập

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Ban Khoa học, Đào tạo và hợp tác quốc tế phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc

chuyên gia không phải là cán bộ của cơ sở đào tạo, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Phản biện độc lập có trách nhiệm đọc kỹ luận án, bản tóm tắt luận án và các công trình khoa học của NCS, viết ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài với mã số ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho NCS; những yêu cầu đòi hỏi NCS phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn.

Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, cơ sở đào tạo gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định.

Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập đầu tiên không đồng ý hoặc phản biện thứ ba không tán thành sau khi phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 01 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

4. Quy trình xin ý kiến của phản biện độc lập được quy định như sau:

a) Bộ phận phụ trách Đào tạo tiến sĩ trình Giám đốc Viện hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ công trình khoa học (các bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học,...) của NCS, tờ trình xin duyệt danh sách đề xuất gửi phản biện độc lập kèm danh sách 15 nhà khoa học có chức danh khoa học giáo sư và phó giáo sư, có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của NCS.

b) Căn cứ vào nội dung luận án và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Giám đốc Viện quyết định danh sách 2 phản biện độc lập để lấy ý kiến.

c) Người phụ trách Đào tạo sau đại học có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về NCS và người hướng dẫn NCS tới 2 phản biện độc lập theo danh sách Giám đốc Viện đã duyệt (Hồ sơ bao gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ công trình khoa học đã công bố của NCS).

5. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp

thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Giám đốc Viện và Lãnh đạo Ban phụ trách đào tạo. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi cho cơ sở đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án cấp Viện.

Điều 16. Đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo (Cấp Viện)

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án Tiến sĩ cấp Viện:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Luận án được 2 phản biện độc lập đồng ý, cho phép NCS bảo vệ luận án cấp Viện, NCS có bản giải trình các ý kiến đã tiếp thu chỉnh sửa luận án của 2 phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện của NCS bao gồm:

- Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại phiên họp đánh giá luận án ở cấp Bộ môn;

- Quyết nghị của Hội đồng cấp Bộ môn về luận án.

- Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa luận án của NCS theo biên bản và quyết nghị của Hội đồng cấp Bộ môn (có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, 2 người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và Trưởng đơn vị chuyên môn);

- Hai bản nhận xét của 02 người phản biện độc lập và văn bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS theo ý kiến của phản biện độc lập;

- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);

- Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh;

- Bản sao quyết định công nhận NCS và minh chứng về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

- Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;

- Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm c, khoản 1 Điều 14 Quy chế này (nếu có);

- Luận án và tóm tắt luận án;

- Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên ngành và mã số; tên

NCS và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của NCS, người hướng dẫn, xác nhận của cơ sở đào tạo;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng tối thiểu 05 người, trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó có ít nhất 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo và 01 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo; phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo; 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS không tham gia Hội đồng.

3. Điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho NCS bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được thông báo công khai trên trang web của Viện trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày; Có đầy đủ nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.

b) Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án cấp Viện nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- Vắng mặt thư ký hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ 2 thành viên hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.
- Có 02 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là chưa đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo yêu cầu NCS và người hướng dẫn xem xét giải trình lấy ý kiến lần 2 của thành viên không tán thành;

c) Trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo;

d) Tổ chức đánh giá luận án cấp Viện

- Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do cán bộ chuyên trách đào tạo của Viện thực hiện; NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

- Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai, toàn văn luận án, thông tin những đóng góp mới của luận án, tóm tắt luận án bản tiếng Việt và tiếng Anh phải được gửi đăng trên cơ sở dữ liệu luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

- Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

- Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần câu hỏi của Hội đồng và người tham dự cũng như phần trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản do thư ký hội đồng ghi, được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

- Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành.

- Hội đồng phải có Quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

- Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

- Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

- Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

- Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

- Đề nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

- Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại bộ phận đào tạo, Thư viện của Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận

án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại cơ sở đào tạo.

Điều 17. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì cơ sở đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được cơ sở đào tạo xác nhận.

3. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 18. Đánh giá lại luận án cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Giám đốc Viện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Điều 19. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho Viện (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo.

2. Toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS đã được đăng trên trang thông tin điện tử <http://www.vafs.gov.vn> của Viện trong thời gian 03 tháng kể từ khi

NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;
- b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);
- đ) Những tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

5. Viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V:

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 20. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

- a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;
- b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

- a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Viện;

b) Viện gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Viện trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Viện được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế này và quy chế của cơ sở đào tạo được áp dụng cho NCS;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Viện có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền cho Viện tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Viện tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Viện sẽ xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, Viện cho phép NCS bổ sung, hoàn

thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Viện; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Xây dựng và thực hiện quy chế của Viện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các đơn vị trực thuộc Viện thực hiện Quy chế này một cách hệ thống, toàn diện, không vận dụng riêng lẻ các quy định của Quy chế;
3. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc có trách nhiệm tham gia, phối hợp với Viện thực hiện quy chế đào tạo ở đơn vị.
4. Căn cứ các hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện xây dựng và ban hành các hướng dẫn chi tiết về các mẫu đăng ký tuyển sinh, đề cương chuyên đề, đề cương nghiên cứu, trình bày luận án, tóm tắt luận án;
5. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những bất cập hoặc có những quy định mới về đào tạo sau đại học, Viện sẽ xem xét và sửa đổi bổ sung Quy chế này.

Điều 23. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và quản lý, lưu trữ:
 - a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;
 - b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Viện lập báo cáo Bộ

Giáo dục và Đào tạo danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Viện công khai trên trang thông tin điện tử <http://www.vafs.gov.vn> trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Viện và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày 15/8/2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế đào tạo sau đại học ban hành kèm theo Quyết định số 235/QĐ-KHLN-ĐT ngày 18/5/2017 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Các khoá tuyển sinh sau ngày 15/8/2021 sẽ thực hiện theo Quy chế này.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 5, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT đối với các NCS đã tuyển sinh trước ngày 15/08/2021.

GIÁM ĐỐC



Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-KHLN-ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 -06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>

Lưu ý: *phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Viện về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.*

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-KHLN-ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-KHLN-ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

**MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG
TRONG NĂM**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN KHOA HỌC LÂM
NGHIỆP VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ...tháng... năm....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng năm)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

2											x					
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoá tuyển sinh.

² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên